

Bản án số: **13/KDTM-ST**
Ngày 11 tháng 9 năm 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng xây
dựng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀNG MAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Trần Thị Kim Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Trần Thị Minh**

Ông Nguyễn Văn Vỹ

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Hiếu

Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai – thành phố Hà Nội

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên***

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại đã thụ lý số 01/2019/KDTM ngày 03 tháng 01 năm 2019 về việc: *Tranh chấp hợp đồng xây dựng* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16 ngày 31 tháng 7 năm 2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10 ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T**; Trụ sở: Số 18 ngõ 7 đường C, phường V, quận H, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Sách T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Minh T – sinh năm 1976; địa chỉ: Số 593 đường V, phường K, quận T, Hà Nội (Theo Giấy ủy quyền số 01/2018/UQ ngày 22/02/2018(có mặt tại phiên tòa.)

- **Bị đơn: Công ty cổ phần C**; Trụ sở: Số 19 ngõ 1043 đường G, phường T, quận H, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Nam T – Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: bà Vũ Hải Y – chức vụ: kế toán trưởng; địa chỉ: Số 5 tổ dân phố 2 phường V, quận H, Hà Nội(theo giấy ủy quyền ngày 01/03/2019) (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại Đơn khởi kiện, được bổ sung bởi các Bản tự khai, Biên bản hoà giải và các lời khai, nguyên đơn công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T trình bày như sau:

Công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Dịch vụ T (gọi tắt là công ty T) đã ký hợp đồng số 429/2014/CNHN-TSP ngày 05/12/2014 với Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP- Chi nhánh Hà Nội, sau này đổi thành Công ty cổ phần C (Theo phụ lục 429-PL03/CNHH-TSP(sau đây gọi tắt là Công ty 4) về việc Thi công xây lắp hệ thống thoát nước, bó vỉa và một số hạng mục khác thuộc gói thầu số 1 - tiểu dự án hầm chui Thanh Xuân. Tiếp đó các bên có ký tiếp các phụ lục hợp đồng 429-PL1/CNHN-TSP; 429-PL2/CNHN-TSP; 429-PL3/CNHN-TSP điều chỉnh hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, công ty T đã hoàn tất các công việc của mình với tổng giá trị được hai bên quyết toán và thanh lý tại biên bản thanh lý hợp đồng lập ngày 01/11/2017 là 10.843.531.134 đồng. Công ty cổ phần C còn nợ lại số tiền là 773.743.134 đồng. Kể từ sau khi ký thanh lý hợp đồng, công ty 4 mới thanh toán thêm cho công ty T số tiền 150.000.000 đồng, cụ thể ngày: 12/02/2018, trả được 50.000.000 đồng; ngày 27/06/2018, trả được 100.000.000 đồng. Từ thời điểm đó đến nay, phía công ty T đã nhiều lần yêu cầu công ty cổ phần C thực hiện nốt nghĩa vụ thanh toán nhưng công ty cổ phần C vẫn không thực hiện.

Vì vậy, công ty cổ phần Xây dựng thương mại và Dịch vụ T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty CP C phải thanh toán ngay khoản nợ cụ thể: tiền gốc: 623.743.134 đồng. Tiền lãi chậm thanh toán, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 10.000.000 đồng. Lý do mà bên nguyên đơn đề nghị mức tiền lãi là 10 triệu đồng vì không biết bao giờ công ty cổ phần C mới thanh toán tiền nên nguyên đơn tạm tính như vậy. Nếu bị đơn có thiện chí thanh toán tiền thì nguyên đơn sẽ miễn toàn bộ lãi.

Quá trình làm việc tại Tòa: tại biên bản hòa giải thành ngày 04/4/2019, công ty T và công ty C đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên, sau đó phía công ty T không đồng ý với thỏa thuận này do lộ trình trả nợ quá dài, đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án yêu cầu công ty T phải trả gốc và lãi theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, phía nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng 429/2014/CNHN-TSP ngày 05/12/2014 với Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4-CTCP- Chi nhánh Hà Nội, sau này đổi thành Công ty cổ phần C.

2. Bị đơn là Công ty cổ phần C trình bày: Bị đơn xác nhận đối với giá trị nợ gốc từ việc ký hợp đồng số 429/2014/CNHN-TSP ngày 05/12/2014 với số tiền là: 623.743.134 đồng. Tuy nhiên, công nợ này bị đơn nhận chuyển giao nghĩa vụ từ Tổng công ty XDGT 4- Công ty CP- Chi nhánh Hà Nội sau thời điểm cổ phần hóa ngày 01/7/2016. Từ thời điểm đó đến nay, bị đơn gặp phải rất nhiều khó khăn về tài chính do sản lượng dự án thi công giảm, nguồn thanh toán từ chủ đầu tư rất chậm. Phía bị đơn đồng ý trả nợ gốc cho nguyên đơn theo lộ trình cụ thể. Tuy nhiên đối với tiền lãi

chậm thanh toán do không thỏa thuận trong hợp đồng nên bị đơn không đồng ý thanh toán đối với phần tiền lãi này.

Quá trình làm việc, công ty cổ phần C cũng đã có thiện chí thanh toán tiền cho công ty T nhưng công ty này không chấp nhận lộ trình giải quyết như thỏa thuận, bị đơn không còn phương án trả nợ nào khác. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và xét xử vắng mặt bị đơn.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc là 623.743.134 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn thừa nhận, về việc vi phạm thời hạn thanh toán, bị đơn vi phạm từ lâu nhưng nguyên đơn nhất trí tính ngày đầu tiên chậm thanh toán là ngày 01/11/2017, là ngày các bên ký biên bản thanh lý hợp đồng và biên bản đối chiếu công nợ.

Bị đơn đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định tạm dừng phiên tòa nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt tại các buổi xét xử của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàng Mai phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng : Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng; Các đương sự có ý thức chấp hành pháp luật. Vụ án quá thời hạn xét xử nhưng có lý do khách quan.

+ Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi nợ gốc của nguyên đơn là 623.743.134 đồng và yêu cầu đòi nợ lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về thẩm quyền giải quyết vụ án: đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do thời điểm Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai thụ lý vụ án, bị đơn có trụ sở đăng ký kinh doanh tại quận Hoàng Mai nên căn cứ khoản 1 điều 30; điểm b khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàng Mai.

[2]- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự đầy đủ theo đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử. Bị đơn có đơn

xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án áp dụng khoản 1 điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]- Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Yêu cầu Công ty cổ phần C phải trả cho Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T số tiền: 623.743.134 đồng, yêu cầu trả lãi theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng kinh tế số 429/2014/CNHN- TSP ngày 05/12/2014 giữa Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4- CTCP- chi nhánh Hà Nội với Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T ký kết là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Hình thức và nội dung của hợp đồng không trái với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Các bên cũng không có yêu cầu nào khác phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Mặc dù chủ thể ký kết hợp đồng số 429/2014/CNHN- T ngày 05/12/2014 là Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 4- CTCP- chi nhánh Hà Nội nhưng tại Biên bản thỏa thuận chuyển giao từ chi nhánh Hà Nội sang Công ty cổ phần 4 thì mọi khoản nợ, mọi nghĩa vụ và quyền lợi từ chi nhánh Hà Nội sẽ được chuyển giao cho Công ty cổ phần C từ ngày 01/7/2016. Do vậy, việc Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần C phải thanh toán số nợ từ việc thực hiện hợp đồng 429/2014/CNHN- TSP ngày 05/12/2014 là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 01/11/2017 và bản thanh lý hợp đồng ngày 01/11/2017, biên bản làm việc ngày 27/02/2019 giữa công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T và công ty cổ phần C thì Công ty cổ phần 4 còn nợ của Công ty T số tiền là: 623.743.134 đồng.

Do công ty cổ phần C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần C phải trả số tiền trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phần lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc: Nguyên đơn ban đầu đưa ra mức 10.000.000 đồng nhưng quá trình làm việc đã đề nghị Tòa án buộc Công ty cổ phần 407 phải thanh toán cả phần lãi chậm thanh toán theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không đồng ý trả lãi do không có thỏa thuận trong hợp đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong nội dung hợp đồng kinh tế số: 429/2014 ngày 05/12/2014 các bên không thỏa thuận về việc chịu lãi do chậm thanh toán tiền nợ gốc. Do đó yêu cầu này của nguyên đơn phải xét trên cơ sở các quy định của pháp luật điều chỉnh hợp đồng tại thời điểm hai bên đã giao kết. Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng là năm 2014 thì Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 về hợp đồng trong hoạt động xây dựng đang có hiệu lực pháp luật. Mặc dù nghị định 48 đã được thay thế bởi Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng nhưng đối chiếu điều 53 Nghị định 37/2015 về điều khoản chuyển tiếp “ *Các hợp đồng xây dựng đã ký và đang thực hiện trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện theo quy*

định về hợp đồng xây dựng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành” nên Tòa án áp dụng Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 để giải quyết.

Căn cứ vào điều 42 Nghị định 48/2010 ngày 07/5/2010 về Hợp đồng trong hoạt động xây dựng quy định trách nhiệm do vi phạm hợp đồng xây dựng như sau “ Bên giao thầu chậm thanh toán thì phải bồi thường cho bên nhận thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà bên nhận thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi bên giao thầu đã thanh toán đầy đủ cho bên nhận thầu.”

Do vậy, ngày đầu tiên Công ty cổ phần C chậm thanh toán được tính là ngày hai bên thanh lý hợp đồng là ngày 01/11/2017. Theo quyết định số 693/CNTrA-2017 ngày 10/7/2017 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Trảng An(nơi bên Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T mở tài khoản) thì mức lãi suất cho vay dành cho pháp nhân tại thời điểm này là 8.5%/ năm, lãi suất quá hạn đối với nợ gốc bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn. Do vậy, tính từ thời điểm ngày 01/11/2017 đến ngày xét xử là ngày 11/9/2019, bên công ty cổ phần C phải thanh toán số tiền lãi do chậm thanh toán cho bên T là: 150.075.000 đồng.

Như vậy, số tiền gốc và lãi chậm thanh toán mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 623.743.134 đồng + 150.075.000 đồng = 773.818.134 đồng

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Do các yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Phía bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho phía nguyên đơn theo quy định.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, 35, 147, 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ điều 107 Luật xây dựng năm 2003;
- Căn cứ điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ Nghị định 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính Phủ quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần xây dựng và thương mại và dịch vụ T : buộc Công ty Cổ Phần C phải trả cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại và dịch vụ T số tiền là: 773.818.134 đồng; trong đó nợ gốc theo hợp đồng là : 623.743.134 đồng; Nợ lãi do chậm thanh toán là: 150.075.000 đồng.

2. Về án phí: Công ty cổ phần C phải chịu 34.952.725 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại và dịch vụ T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- Viện kiểm sát ND Q. Hoàng Mai
- Tòa án ND TP. Hà Nội
- Viện kiểm sát NDTP. Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hoàng Mai
- Lưu hồ sơ; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Kim Cúc

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ